

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **02/2021/HC-PT**

Ngày: 21/7/2021

V/v khiếu kiện hành vi hành chính
và yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Đăng Huy

Ông Nguyễn Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2021/TLPT-HC ngày 06 tháng 5 năm 2021 “V/v khiếu kiện hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại”. Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HCST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CGi, tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ: đội 3, thôn BQ, xã ĐS, huyện CGi, tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Trần Quốc Ch, sinh năm 1955; Địa chỉ: thôn LĐ, xã TV, huyện BG, tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện CGi, tỉnh Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th - Chủ tịch Ủy ban

nhân dân xã ĐS, huyện CGi, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ: thôn BQ, xã ĐS, huyện CGi, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; Địa chỉ: đội 3, thôn BQ, xã ĐS, huyện CGi, tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

4. Người làm chứng:

- 4.1. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1987;
- 4.2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1992;
- 4.3. Ông Nguyễn Trọng Kh, sinh năm 1957;
- 4.4. Ông Bùi Hữu H, sinh năm 1973;
- 4.5. Anh Vũ Tiến T, sinh năm 1980;
- 4.6. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1940;
- 4.7. Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1960;
Đều cư trú tại: thôn BQ, xã ĐS, huyện CGi, tỉnh Hải Dương.
- 4.8. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1962;
- 4.9. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982;
Đều cư trú tại: thôn 3, xã ĐS, huyện CGi, tỉnh Hải Dương.
- 4.10. Ông Triệu Quang Ngh, sinh năm 1955; cư trú tại: thôn PhQ, xã ĐS, huyện CGi, tỉnh Hải Dương.
- 4.11. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1966;
- 4.12. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985;
Đều cư trú tại: thôn AT, xã ĐS, huyện CGi, tỉnh Hải Dương.
- 4.13. Ông Phạm Phúc Gi, sinh năm 1984; cư trú tại: thôn PA, xã CA, huyện CGi, tỉnh Hải Dương.
- 4.14. Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1984; cư trú tại: thôn QD, xã TTr, huyện CGi, tỉnh Hải Dương.
- 4.15. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 và anh Vũ Đình D, sinh năm 1977;
Đều cư trú tại: thôn PhL, xã CV, huyện CGi, tỉnh Hải Dương.
- 4.16. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1971;
- 4.17. Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1970;
Đều cư trú tại: thôn PhH, xã CH, huyện CGi, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa người làm chứng: ông Vũ Văn T, ông Triệu Quang Ngh, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn S có mặt; **ông** Nguyễn Văn H2, bà

Nguyễn Thị H3, anh Vũ Tiến T có đơn xin xét xử vắng mặt; **những** người làm chứng còn lại vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông T trình bày:*

Gia đình ông được Nhà nước giao 164m² **đất** 03 ở khu vực ML, thôn BQ, xã CĐ, huyện CGi. Năm 2006, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã quy hoạch gom toàn bộ đất khu vực ML lại để chia theo tiêu chuẩn mỗi khẩu 20m²; cứ 10 khẩu trở lên được bốc 1 phiếu tương đương 1 lô. Lúc đó gia đình ông có 5 khẩu + bố mẹ ông 4 khẩu + gia đình anh Nguyễn Văn H 4 khẩu. Tổng là 13 khẩu được bốc 1 phiếu đứng tên bố mẹ ông với diện tích 279m². Mặc dù đứng tên bố mẹ ông nhưng trên thực tế vợ chồng ông đã mua thanh toán hết tiền cho mọi người. Năm 2014, vợ chồng ông xây nghiêng bức tường bao bằng 3 hàng gạch ba banh, mục đích giữ đất và xác định ranh giới, địa phương không có ý kiến gì. Năm 2016, vợ chồng ông mua tiếp 59m² của hộ bà Kh sát liền cạnh. Tổng diện tích ruộng 03 mua của bà Kh và bố mẹ ông là 320m². Việc mua bán giữa các bên chỉ là mua bán viết tay, không thông qua Chính quyền thôn hay UBND xã nhưng đến nay giữa bên bán và bên mua không tranh chấp với nhau, vợ chồng ông vẫn quản lý sử dụng từ đó đến nay. Tháng 9/2019, do bức tường bao ba banh bị đổ nên vợ chồng ông xây lại 6 hàng gạch ba banh bao quanh đất 03. Ngày 15/9/2019, khi gia đình ông đang xây gần xong thì Chủ tịch UBND xã CĐ trực tiếp chỉ đạo bảo vệ xã (anh H và anh T) ra thu của gia đình ông 08 chiếc xô nhựa màu đen đựng vữa có sự chứng kiến của ông Ngh thợ xây và các con ông, **việc** thu 08 xô nhựa không lập biên bản. Bờ tường bao gạch ba banh xây bỏ dở vẫn còn nguyên không bị ai phá dỡ. Đến ngày 07/12/2019, vợ chồng ông mua nguyên vật liệu gồm: 09 tấm bản mã giá 180.000đ, 02 chiếc đá cắt to giá 70.000đ, 23 cây ống kẽm 60 giá 9.315.000đ, 28 cây ống kẽm 34 giá 6.104.000đ, 01 hộp que hàn giá 60.000đ. Tổng cộng là 15.729.000đ. Thuê cháu Vũ Tiến T đến nhà dựng thành khung hết 10 công và mang khung lán hàn sẵn dựng trên thửa đất 03 nói trên, mục đích để ở trồng nom cây trồng. Khi gia đình ông vừa dựng xong thì Chủ tịch UBND xã ĐS (sáp nhập xã CĐ và xã CS) trực tiếp chỉ đạo bảo vệ xã gồm anh H, anh H1 và nhiều người khác đến phá dỡ khung lán. Việc phá dỡ này có sự chứng kiến của các anh bảo vệ nhưng không được lập biên bản. Khung lán cơ bản vẫn nguyên, chỉ 1 vài ống kẽm dòi ra. Sau đó gia đình ông thu dọn chuyển về nhà, không vứt đi cái gì, giá trị còn nguyên, có thể sử dụng

tiếp. Khi bị phá dỡ khung lán, gia đình ông còn bị thiệt hại 15 khóm chuối mới trồng trước đó khoảng 1 tháng (chưa có hoa, chưa có buồng), tổng trị giá 5.000.000đ, không được lập biên bản. Ngoài ra, không còn thiệt hại nào khác.

Ông nhận thức việc xây tường bao và dựng khung lán trên đất 03 không được Chính quyền địa phương cho phép là sai, là vi phạm nhưng hành vi chỉ đạo phá dỡ khung lán của Chủ tịch UBND xã ĐS là sai về quy trình của Luật xử lý vi phạm hành chính tại khoản 2 Điều 86. Việc phá dỡ phải được thông báo trước cho ông ít nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử lý, trường hợp gia đình ông không tự nguyện tháo dỡ thì mới tiến hành cưỡng chế, mà có cưỡng chế cũng phải thông báo trước thời gian. Do vậy, ông đề nghị Tòa án tuyên hành vi chỉ đạo phá dỡ khung lán đối với gia đình ông của ông Chủ tịch UBND xã ĐS là trái pháp luật.

Hành vi của Chủ tịch UBND xã ĐS trái pháp luật dẫn đến thiệt hại: giá trị khung lán 20.000.000đ (gồm giá nguyên vật liệu theo hóa đơn và tiền công); 15 khóm chuối, trị giá 5.000.000đ; 08 xô nhựa màu đen bị thu tháng 9/2019 là của anh D cai xây nhưng ông đã phải mua 100.000đ để trả lại anh D. Tổng số tiền gia đình ông bị thiệt hại và yêu cầu Chủ tịch UBND xã ĐS phải bồi thường là 25.100.000đ.

* *Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người bị kiện - Chủ tịch UBND xã ĐS trình bày:* Năm 2015, ông T tự ý tập kết gạch ba banh xây tường bao quanh thửa đất 03 tại khu vực ML mua của hộ bà H. UBND xã CĐ đã lập biên bản và yêu cầu dừng việc xây dựng thì gia đình ông T đã dừng. Ngày 07/3/2017, UBND xã CĐ tiếp tục phát hiện gia đình ông T tập kết phế liệu xây dựng (gồm gạch vỡ, vữa xây tháo dỡ từ công trình khác) để san lấp dần trên diện tích đất 03 mua của hộ bà H. UBND xã CĐ có Thông báo số 05/TB-UBND ngày 07/3/2017, yêu cầu gia đình ông T dừng việc tập kết phế thải vật liệu xây dựng và vận chuyển phế thải đến nơi khác nhưng gia đình ông T không chấp hành. Đầu tháng 9/2019, UBND xã CĐ tiếp tục kiểm tra phát hiện trên thửa đất 03 mua của hộ bà H và đất của hộ bà Kh và 1 phần đất công, ông T tập kết gạch ba banh và cát xây. Sáng ngày 16/9/2019, sau khi kiểm tra phát hiện gia đình ông T đang tổ chức xây dựng trên đất 03 nêu trên, UBND xã CĐ có thông báo yêu cầu gia đình ông T dừng ngay việc xây dựng trái phép, chủ động tháo dỡ phần công trình đã xây, vận chuyển vật liệu đến nơi khác. Thời gian dừng xây dựng và tự tháo dỡ kể từ 10 giờ 00 phút ngày 16/9/2019. Đầu giờ chiều cùng ngày, UBND xã trực tiếp kiểm tra hiện trạng thấy hộ ông T vẫn đang tiếp tục

xây dựng tường móng nhà phía Bắc dài 13,5m rộng 0,42m cao 1,0m; Tường bao dài 18,7m rộng 0,25m cao 1,0m **nên** đã mời ông T về trụ sở UBND xã làm việc. Đến 14 **giờ 00 phút** cùng ngày, trong lúc chính quyền địa phương đang làm việc với ông T tại trụ sở UBND xã thì gia đình ông T vẫn chỉ đạo thợ xây cố tình xây. Do vậy, Công an xã đã tạm giữ 06 chiếc xô nhựa đựng vữa của cai xây, mục đích để dừng việc xây, mang về trụ sở UBND xã chờ giải quyết, không phải 08 xô. Thông qua những người thợ xây, địa phương xác định 06 xô nhựa là của cai xây, không phải của gia đình ông T. Địa phương có mời anh D cai xây lên giải quyết để trả lại 06 xô nhưng anh D không đến, nên hiện nay 06 xô nhựa vẫn còn ở UBND xã.

Ngày 07/12/2019, UBND xã ĐS (lúc này đã sáp nhập xã CĐ và xã CS) phát hiện gia đình ông T mang khung kẽm dựng trên đất 03 mua của hộ bà H. Chủ tịch UBND xã và các ban ngành đoàn thể đến tuyên truyền vận động gia đình ông T dừng việc dựng khung lán và tự tháo dỡ. **Lúc** đầu gia đình ông T vẫn muốn xin dựng tạm để ở trông coi cây cối mới trồng, nhưng được Lãnh đạo xã phân tích đất 03 mục đích sử dụng chỉ để cấy lúa, chưa được chuyển mục đích nên chưa được xây dựng công trình trên đất. Gia đình ông T đồng ý và xin để gia đình tự tháo dỡ sau, vì hiện tại lúc đó thợ cơ khí bỏ đi không có người tháo dỡ. Ông có nói nếu vậy thì để mấy anh em bảo vệ vào phụ giúp cùng gia đình. Ngay lúc đó thì vợ chồng ông T, con ông T và mấy bảo vệ cùng vào giúp mỗi người 1 tay dỡ các thanh giằng, cột, vì kèo xuống. Quá trình tháo dỡ mọi người đều dùng tay không để hạ khung lán, không dùng dụng cụ để tháo dỡ, gia đình hoàn toàn vui vẻ xếp gọn nguyên vật liệu đã tháo dỡ xuống 1 chỗ, không bị gãy hỏng hóc đồ vật gì vì tất cả các mối hàn cũng chỉ hàn gờ tạm, chưa hàn chắc chắn. Sau đó toàn bộ vật liệu gia đình ông T tự chuyển về nhà như thế nào và vào thời gian nào địa phương không biết. Cho đến thời điểm gia đình ông T tháo dỡ xong, UBND xã không lập biên bản về việc vi phạm, không tạm thu giữ bất kỳ đồ vật gì, không có việc dẫn hỏng 15 khóm chuối như ông T khai. Trước đó, gia đình ông T có trồng chuối hay không và trồng bao nhiêu cây thì địa phương không biết, nhưng trên mặt ruộng ngoài phế liệu xây dựng san tấp chỉ có 1 vài cây chuối mới trồng vẫn còn nguyên, không phải cả vườn chuối. Gia đình ông T tự đi mua nguyên vật liệu về cố tình xây dựng tường bao và khung lán trái phép, đó là lỗi của gia đình ông T. Hoàn toàn không có việc ông chỉ đạo ai vào phá dỡ khung lán của gia đình ông T, nguyên vật liệu sau khi tháo dỡ xuống vẫn còn nguyên không bị thiệt hại, ông bác bỏ hoàn toàn 2 yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đối với 06 xô nhựa là của anh D cai xây, không phải của gia đình ông T, đề nghị Tòa án tách ra để địa phương tự giải quyết với cai xây.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà H) trình bày: nhất trí với 2 yêu cầu khởi kiện của ông T. Mọi ý kiến trình bày của ông T cũng là ý kiến quan điểm của bà.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25 và 28/12/2020, người làm chứng (anh T2, anh S đều là con trai ông T) trình bày: Vào trước ngày phá khung lán 3 đến 4 hôm, khoảng ngày mùng 04/12/2019, khi gia đình các anh đang xây bờ tường bao gạch ba banh cao khoảng 50cm xung quanh thửa đất 03 tại khu ML, thôn BQ thì Chủ tịch UBND xã ĐS cùng với hơn 20 người cả bảo vệ và Công an xã cầm theo búa tạ, kìm đến. Chủ tịch UBND xã hô mọi người phá dỡ nham nhở tường bao đang xây và thu giữ 3 đến 4 chiếc xô nhựa (gồm cả xô màu đen đựng vữa và xô dạng thùng sơn 20 lít màu trắng) không lập biên bản, những chiếc xô này là của bố mẹ các anh. Đến ngày 07/12/2019, khi gia đình các anh dựng khung lán kèm vừa xong thì Chủ tịch UBND xã ĐS lại huy động hơn 20 người như lần trước đến. Chủ tịch UBND hô mọi người vào phá dỡ khung lán của gia đình các anh mà không có lý do, không lập biên bản. Họ cầm theo búa tạ và xà beng, kìm cắt sắt để phá dỡ khung lán vát lung tung xuống đất vào những cây chuối, cây ổi mới trồng trước đó khoảng hơn 01 tháng. Ổi khoảng 3, 4 cây; chuối khoảng vài chục cây cụ thể bao nhiêu các anh không xác định được.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2020, người làm chứng (ông T1- Nguyên Bí thư Đảng ủy UBND xã ĐS) trình bày: Vào cuối buổi sáng một ngày đầu tháng 12/2019, sau khi nhận được tin báo gia đình ông T tập kết nguyên vật liệu bằng ống kẽm các loại đã hàn thành khung dựng trên đất 03 tại khu ML, thôn BQ, Chủ tịch UBND xã báo cáo tôi và tập hợp các tổ chức đoàn thể đến nơi gia đình ông T đang dựng khung lán. Lúc đó, gia đình ông T mới dựng được 2 vì kèo và vài thanh giằng làm khung cột, chưa hàn chắc chắn, chưa dựng xong. Chúng tôi xuống gặp gỡ gia đình ông T tuyên truyền, vận động, phân tích về mục đích sử dụng đất thì gia đình ông T dừng dựng khung lán, đồng thuận tự tháo dỡ luôn. Trong lúc gia đình ông T tháo dỡ thì một số anh em Công an viên vào hỗ trợ gia đình hạ khung lán, anh em vào hỗ trợ tay không, không ai mang theo dụng cụ gì. Sau khi hạ xong hết nguyên vẹn không bị gãy thanh nào thì gia đình ông T xếp gọn vào 1 chỗ và tự chuyển hết toàn bộ nguyên vật liệu về. Sự việc hôm đó nhiều người có mặt vận động gia đình ông T. Tôi cũng là người gặp ông T vận động được gia đình ông T nhất trí tự tháo dỡ luôn nên hôm đó không

lập bất cứ văn bản vi phạm nào. Hoàn toàn không có việc Chủ tịch xã ĐS chỉ đạo lực lượng vào phá dỡ khung lán của gia đình ông T. Tại hiện trường chỗ đó không còn là đất ruộng mà toàn bộ bề mặt là vữa xây, gạch vụn, đồ phế thải xây dựng, gạch ba banh, sát cạnh đất có vài cây chuối con mới trồng, không thấy hồng khóm chuối nào của gia đình ông T.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2020, người làm chứng (ông V) trình bày: Khoảng 10 giờ ngày 07/12/2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc gia đình ông T dựng khung lán trên đất 03 tại khu ML thì Trưởng công an xã và anh em quân sự của xã, Chủ tịch UBND xã và các tổ chức đoàn thể đã ra hiện trường đất 03 của gia đình ông T, ông bận trực ra sau thì thấy gia đình ông T đã tháo dỡ xong, toàn bộ vật liệu để gọn vào một chỗ, mọi người đều vui vẻ không có vấn đề gì, không thấy ai lập biên bản, không thấy thu giữ gì và cũng không thấy gia đình ông T nói đến vật liệu bị gãy hay hư hỏng. Xung quanh vị trí dựng khung lán có 1 vài cây chuối mới trồng hiện nay vẫn còn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2020, người làm chứng (ông H2) trình bày: Chiều ngày 16/9/2019, ông và Trưởng công an xã CD cùng 1 số Công an viên xã CD đến hiện trường đất 03 tại khu ML, thôn BQ của gia đình ông T, thấy thợ đang xây tường bao cao hơn 1,0m, dài khoảng 30m-40m trở lên. Những người có thẩm quyền nhắc nhở yêu cầu dừng xây tường bao nhưng hộ ông T vẫn cố tình xây. Do hộ ông T đã được nhắc nhở nhiều lần trước đó nhưng vẫn cố tình nên Trưởng công an xã yêu cầu quản lý các xô nhựa đựng vữa xây màu đen của cai xây. Ông và ông T đã mang 06 xô nhựa về trụ sở công an xã CD để chờ các thợ xây và cai xây đến giải quyết, mục đích quản lý 06 xô nhựa này để ngăn chặn hành vi tiếp tục xây tường bao trên đất 03 của hộ gia đình ông T, việc tạm giữ 06 xô nhựa không lập biên bản.

Khoảng 10 giờ - 10 giờ 30 phút ngày 07/12/2019, ông và các đồng chí công an xã, anh em quân sự cùng các Lãnh đạo xã và các tổ chức đoàn thể đến hiện trường đất 03 khu ML của hộ ông T. Khi đi không ai mang theo dụng cụ gì. Đến nơi những người có thẩm quyền vận động gia đình ông T tháo dỡ vì lúc này mới chỉ hàn gá 2 vì kèo và chống mấy cái cột lên tạm, chưa hàn chắc chắn thì gia đình ông T cũng chấp hành tháo dỡ luôn. Do gia đình ông T chỉ có 2 vợ chồng và cậu con trai nên việc tháo dỡ khó khăn thì ông và 1 số anh em bảo vệ vào hỗ trợ cùng gia đình dỡ hạ khung lán xuống, mọi người chỉ dùng tay đỡ hộ xuống giúp gia đình. Sau khi dỡ xong hết nguyên vẹn thì toàn bộ Lãnh đạo xã và lực lượng anh em về, sau đó gia đình ông T tự chuyển toàn bộ nguyên vật

liệu về như thế nào, vào lúc nào ông không biết. Từ lúc có mặt đến lúc ra về ông không thấy ai đọc quyết định hay văn bản gì và cũng không thấy ai lập biên bản, không thấy chỉ đạo hay hô bảo vệ vào phá dỡ khung lán của hộ ông T. Nguyên vật liệu tháo dỡ xuống không bị gãy hư hỏng. Xung quanh vị trí dựng khung lán có 1 số cây chuối mới trồng, không xác định được bao nhiêu cây nhưng mấy cây chuối vẫn còn nguyên, không hề dầm hỏng cây nào.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2020, người làm chứng (ông Gi, ông H3 - Công an xã) trình bày: Vào buổi sáng ngày 07/12/2019, các ông cùng 1 số công an viên ra vị trí đất 03 khu ML, thôn BQ của gia đình ông T đang dựng khung lán, không ai mang dụng cụ gì. Đến nơi thấy hộ ông T đang dựng khung kềm chạy dọc đất gồm 2 vì kèo và mấy thanh giằng hàn gá vào nhau chưa chắc chắn. Vì vị trí khu đất hộ ông T tiếp giáp với đường 194C, có lượng xe lưu thông lớn nên lực lượng công an viên làm nhiệm vụ đảm bảo trật tự vòng ngoài và điều tiết giao thông. Do phía trong khu đất và ngoài đường bị che chắn bởi 01 thùng container và tấm vải bạt nylon màu xanh, chỉ thấy Lãnh đạo UBND xã có gặp gỡ hộ ông T nói chuyện gì đó các ông không nghe rõ, diễn biến sự việc bên trong hiện trường như thế nào các ông không biết. Khoảng 20 phút, tất cả mọi người ra về và không mang theo thứ gì, không thấy lập biên bản, không nghe thấy ai nói bị gãy hay hỏng hóc gì.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/10/2020, người làm chứng (ông H4, bà H, bà Kh) xác nhận: có bán đất 03 tại khu ML cho vợ chồng ông T. Việc mua bán giữa các bên chỉ viết giấy tay với nhau, đã bàn giao đất và thanh toán tiền xong, đến nay các ông bà vẫn giữ nguyên quan điểm bán cho vợ chồng ông T, không có tranh chấp. Xin vắng mặt các buổi làm việc, hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 23/10/2020, UBND xã ĐS cung cấp: Sau khi thực hiện đề án dồn ô đổi thửa, hộ ông T không được giao đất ở khu ML, thôn BQ, xã ĐS. Chỉ có hộ bà H được chia đất 03 tại thửa số 71 tờ bản đồ 02 diện tích 271m². Năm 2007, thu hồi mở rộng đường 194C là 39m², diện tích đất 03 còn lại là 232m². Hộ bà Kh được chia đất 03 tại thửa số 65 tờ bản đồ 02 diện tích 242m². Năm 2007, thu hồi mở rộng đường 194C 36m², diện tích còn lại là 206m². Tại địa phương, không có tài liệu thể hiện việc hộ bà H và hộ bà Kh chuyển nhượng quyền sử dụng đất 03 tại khu vực ML cho hộ ông T. Từ ngày 18/9/2019, sau khi hộ bà H và ông T về UBND xã làm việc thì địa phương mới

biết toàn bộ diện tích đất 03 còn lại của hộ bà H đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông T. Hiện nay đất tại khu ML hộ ông T đang sử dụng vẫn là đất 03.

Hộ ông T nhiều lần được UBND xã nhắc nhở về việc sử dụng không đúng mục đích loại đất kéo dài từ năm 2015 đến 2019. Đầu tháng 9/2019, UBND xã kiểm tra phát hiện trên toàn bộ thửa đất (của hộ bà H, một phần thửa đất của hộ bà Kh và trên đất công), ông T đang tập kết gạch ba banh và cát xây. Ngày 09/9/2019, UBND xã ra Thông báo yêu cầu gia đình ông T vận chuyển nguyên vật liệu đến nơi khác. Hộ ông T có dừng san tản nhưng không chấp hành vận chuyển phế liệu đi nơi khác. Sáng ngày 16/9/2019, UBND xã kiểm tra phát hiện hộ ông T đang xây tường bao trên đất 03. Ngay lúc đó UBND xã có thông báo yêu cầu gia đình ông T dừng ngay việc xây dựng tường bao, chủ động tự tháo dỡ công trình đã xây dựng, vận chuyển vật liệu đến nơi khác, thời gian kể từ **10 giờ 00** phút ngày 16/9/2019. Đầu giờ chiều ngày 16/9/2019, UBND xã tiếp tục kiểm tra thấy hộ ông T và thợ xây vẫn đang xây dựng, cụ thể xây tường móng nhà phía Bắc dài 13,5 m rộng 0,42 m cao 1,0m; tường bao dài 18,7m rộng 0,25 m cao 1,0m. UBND xã ĐS khẳng định, việc làm trên của hộ ông T là sai.

Sự việc ngày 07/12/2019, hộ ông T mang khung kẽm hàn sẵn dựng trên đất 03 khu ML là không được phép, vì đất 03 chưa được chuyển mục đích sử dụng nên chưa được xây dựng công trình trên đất. Lãnh đạo xã và các ban **ngành** đoàn thể đến vận động tuyên truyền thì được gia đình đồng thuận tháo dỡ luôn có sự hỗ trợ của 1 số anh em dân quân và bảo vệ. Sau khi tháo dỡ xuống thì khung lán còn nguyên, không bị gãy hỏng, không làm thiệt hại gì.

Sau khi xem xét thẩm định xác định vợ chồng ông T đã bắc giàn trồng hoa giấy trên 35,2m² đất công là vi phạm lấn chiếm đất công do UBND xã ĐS quản lý. Hiện tại UBND xã ĐS chưa sử dụng đến phần đất này nên UBND xã ĐS không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo vẽ ngày 20/10/2020 thể hiện: Hiện trạng thửa đất 03 tại khu ML của hộ gia đình ông T đang quản lý sử dụng có tổng diện tích: 325,9m² (gồm toàn bộ đất của hộ bà H; 1 phần đất hộ bà Kh và 1 phần đất công); Kích thước các cạnh:

- **Cạnh** phía Tây giáp nương thủy lợi và đường huyện lộ **194C** dài 9,31m;
- Cạnh phía Bắc giáp đất canh tác còn lại của hộ bà Kh dài 16,69m + 17,98m;
- Cạnh phía Đông giáp nương và đất canh tác do UBND xã ĐS quản lý dài 9,58m;

- Cạnh phía Nam giáp phần đất đã được UBND xã ĐS thu hồi (quy hoạch làm đường đi vào khu dân cư mới) dài 16,36m + 18m.

Diện tích đất này được chia làm hai phần:

* Tài sản trên phần **đất** 1: Chạy xung quanh cạnh phía Bắc và phía Nam là 07 cây ống kẽm phi 60 hàn gắn 07 bản mã được tận dụng từ khung lán dỡ ra ngày **07/12/2019**; có 03 khóm chuối (02 khóm mỗi khóm có 01 buồng). Ông T bà H chỉ vị trí dựng khung lán ngày **07/12/2019** là góc Tây - Bắc theo chiều nhìn ra đường huyện lộ **194C** (có kích thước chiều Đông và Tây đều = 4m; chiều Bắc và Nam đều = 6m, diện tích = 24m²).

* Tài sản trên phần đất 2: có 170 gốc hoa giấy mới trồng bằng cành. Khung dàn hoa giấy là 47 đoạn ống kẽm 34 được cắt ra từ 25 cây ống kẽm 34 tận dụng từ khung lán dỡ ra ngày **07/12/2019**;

* Tại gia đình ông T bà H kiểm đếm:

- 02 cây ống kẽm phi 60 hàn gắn 02 bản mã còn nguyên, chưa sử dụng.
- 14 cây ống kẽm phi 60 đã được ông T làm cột chuồng lợn, làm cột chống mái tôn phía trước nhà, làm cột giàn hoa;
- 03 cây ống kẽm 34 còn nguyên chưa sử dụng;
- 04 bộ kèo được hàn chắc chắn bằng ống kẽm 34 còn nguyên vẹn.

* Tại UBND xã ĐS: 06 xô nhựa màu đen (đã qua sử dụng).

Kết quả định giá ngày 15/12/2020 thể hiện: 06 xô nhựa màu đen đã qua sử dụng tại thời điểm thu giữ không bị thiệt hại; 15 khóm chuối người khởi kiện yêu cầu không đủ căn cứ để xác định giá trị thiệt hại; **toàn** bộ nguyên vật liệu khung lán không bị thiệt hại (1 phần đã được tận dụng làm việc khác, 1 phần gia đình để tại nhà).

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản hết 3.600.000đ. Người khởi kiện tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2021/HSST ngày 28/01/2021, Tòa án nhân dân huyện CGi, tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 366 Luật tổ tụng hành chính; Luật đất đai; Luật tổ chức Chính quyền; Căn cứ vào khoản 1 và khoản 6 Điều 32, Điều 26 Nghị quyết số **326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu tuyên bố hành vi chỉ đạo phá dỡ khung lán của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐS là trái pháp luật.

2. Bác yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Văn T đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐS vì không có căn cứ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 29/01/2021, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T; **người** có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương hủy bản án sơ thẩm với lý do: Toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và vi phạm nghiêm trọng về nội dung vụ án (đơn có dấu bưu điện ngày 22/02/2021).

* Ngày 01/02/2021, người khởi kiện có đơn kháng cáo bổ sung và sửa đổi lần thứ nhất (đơn có dấu bưu điện ngày 25/5/2021), với nội dung:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã cố tình vi phạm nghiêm trọng về tố tụng:

+ Không đưa 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là anh Nguyễn Văn D (**thôn** AT, xã ĐS, huyện CGi, tỉnh Hải Dương, là người liên quan đến 08 xô nhựa); **ông** Bùi Hữu H (nguyên là công an viên); Ban **chỉ huy** Công an xã ĐS, huyện CGi (đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Ch - nguyên Trưởng công an xã ĐS); Ủy ban nhân dân huyện CGi - Đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn Q, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CGi (liên quan đến Văn bản số 780/TB-CAH ngày 22/6/2020 của Công an huyện CGi); **ông** Hoàng Xuân Đ (nguyên công an viên xã ĐS); **ông** Vũ Văn Th (nguyên công an viên xã ĐS, là cán bộ địa chính xã ĐS); ông Nguyễn Thế K (cán bộ địa chính xã ĐS).

+ Ông khởi kiện cá nhân ông Nguyễn Văn Th lợi dụng chức vụ quyền hạn Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã để làm trái pháp luật, gây hậu quả đặc biệt làm tổn hại về tinh thần sức khỏe, uy tín danh dự của ông và thiệt hại về kinh tế của ông số tiền là 25.200.000đ nhưng bản án lại cho rằng ông khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐS là không đúng; Mẫu đơn ông khởi kiện là mẫu đơn khởi kiện vụ án dân sự nhưng Tòa án nhân dân huyện CGi chuyển thể thành vụ án hành chính.

- Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CGi đã có nội dung hoàn toàn sai lệch để cố tình thiên vị, làm lợi cho cá nhân ông Nguyễn Văn Th...

* Ngày 30/6/2021, người khởi kiện có đơn kháng cáo bổ sung (đơn có dấu bưu điện ngày 02/7/2021), đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương: hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giải quyết lại toàn bộ vụ án này và buộc ông Nguyễn Văn Th phải bồi thường thiệt hại cho ông là 25.200.000đ, đồng thời giải quyết hậu quả pháp lý của vụ kiện án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nhất trí với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

[1]. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện CGi, tỉnh Hải Dương.

[2]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000340 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CGi, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của đương sự:

- Sau khi xét xử sơ thẩm ông T, bà H có đơn kháng cáo (đơn ghi ngày 29/01/2021) được gửi qua đường bưu chính (có dấu bưu điện ngày 22/02/2021), với nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án số 01/2021/HCST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện CGi, về việc khiếu kiện “Hành vi hành chính và yêu cầu

bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Xét thấy việc kháng cáo của ông T, bà H là quá thời hạn theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã thành lập **Hội** đồng xét kháng cáo quá hạn để xem xét. Tại Quyết định số 01/2021/QĐ-PT ngày 02/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông T, bà H đối với Bản án số 01/2021/HCST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện CGi. Căn cứ quyết định trên, Tòa án nhân dân huyện CGi đã thông báo cho ông T và bà H nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Sau khi nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm thì chỉ có ông Nguyễn Văn T nộp biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Tòa án cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H không nộp biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Tòa án cấp sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 209 Luật tố tụng hành chính thì coi như bà H từ bỏ việc kháng cáo nên không được xem xét theo trình tự phúc thẩm, kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Ngày 01/02/2021 (đơn có dấu bưu điện ngày 25/5/2021) và ngày 30/6/2021 (đơn có dấu bưu điện ngày 02/7/2021), người khởi kiện có đơn kháng cáo bổ sung nội dung không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 218 Luật Tố tụng hành chính, kháng cáo bổ sung của ông Nguyễn Văn T là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người bị kiện và 1 số người làm chứng, nhưng người bị kiện và những người làm chứng (ông H4, bà H, anh Tuấn) có đơn xin xét xử vắng mặt và 1 số người làm chứng đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy người **bị kiện** đã có đơn xin xét xử vắng mặt và những người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do vậy, căn cứ khoản 5 Điều 239 và Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xem xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

[2.1]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1.1]. Đối với nội dung ông T kháng cáo cho rằng ông khởi kiện cá nhân ông Nguyễn Văn Th nhưng Tòa án nhân dân huyện CGi lại cho rằng ông khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐS là không đúng; Mẫu đơn ông khởi kiện là mẫu đơn khởi kiện vụ án dân sự nhưng Tòa án nhân dân huyện CGi chuyển thể thành vụ án hành chính, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo đơn khởi kiện của ông T ngày 01/10/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 28/01/2021, ông T đều xác định người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện CGi - Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Th, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐS và Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CGi tuyên bố hành vi chỉ đạo phá dỡ khung lán của gia đình ông ngày 07/12/2019 tại khu ML, thôn BQ, xã ĐS, huyện CGi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐS là trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại từ hành vi do ông Nguyễn Văn Th thực hiện ngày 07/12/2019. Như vậy, nội dung ông T khiếu kiện hành vi chỉ đạo phá dỡ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐS đối với khung lán do gia đình ông dựng lên - đây là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 31 Luật tổ tụng hành chính thì khiếu kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CGi và Tòa án nhân dân huyện CGi xác định người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐS, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Th - Chủ tịch xã là phù hợp pháp luật.

Về mẫu đơn khởi kiện: Qua xem xét đơn khởi kiện của ông T nộp cho Tòa án nhân dân huyện CGi thì đơn khởi kiện của ông T đã được thực hiện theo đúng mẫu số 01-HC Đơn khởi kiện vụ án hành chính (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao) và Điều 118 Luật tổ tụng hành chính.

Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông T.

[2.1.2]. Đối với nội dung ông T kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm cố tình không đưa 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là anh Nguyễn Văn D, ông Bùi Hữu H, Ban chỉ huy Công an xã ĐS, Ủy ban nhân dân huyện CGi, đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn Q - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CGi, ông Hoàng Xuân Đ, ông Vũ Văn Th, ông Nguyễn Thế K mà xác định những người trên là người làm chứng là không đúng và buộc phải có giấy triệu tập họ đến phiên tòa. Đối với nội dung kháng cáo này của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2020, Biên bản đối thoại ngày 08/01/2021 và tại phiên tòa ngày 28/01/2021, ông T đều xác định 06 chiếc xô nhựa màu đen đã qua sử dụng là của anh D cai xây và thợ xây mang đến để sử dụng. Đối với hành vi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo thu xô, ông không có ý kiến gì và không khiếu kiện gì. Do vậy, anh D không liên quan đến yêu cầu khởi kiện tuyên bố hành vi ngày 07/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã

ĐS là trái pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định anh Nguyễn Văn D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án mà chỉ xác định anh D là người làm chứng là phù hợp pháp luật. Trường hợp anh D có yêu cầu trả xô, anh D có quyền liên hệ với Ủy ban nhân dân xã ĐS để được xem xét giải quyết. Anh D đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tuy nhiên, anh D đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Tòa án cấp sơ thẩm **thẩm tiến** hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 159 Luật tố tụng hành chính.

- Đối với nội dung ông Bùi Hữu H không có mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án không buộc ông H2 có mặt: Ông Bùi Hữu H đã nhận giấy triệu tập tham gia phiên tòa của Tòa án cấp sơ thẩm và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy ông Bùi Hữu H đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông H2 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 159 Luật Tố tụng hành chính.

- Đối với nội dung không đưa Ban **chỉ huy** Công an xã ĐS, huyện CGi, Ủy ban nhân dân huyện CGi, ông Hoàng Xuân Đ, ông Vũ Văn Th, ông Nguyễn Thế K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Xét thấy những người trên không **liên quan** đến yêu cầu khởi kiện của ông T và không có mặt tại khu đất nhà ông T ngày 07/12/2019 nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người trên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 3 và Điều 62 Luật tố tụng hành chính.

Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông T.

[2.2]. Về nội dung vụ án:

- *Xem xét yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi chỉ đạo phá dỡ của Chủ tịch UBND xã ĐS đối với khung lán của gia đình ông T vào ngày 07/12/2019 là trái pháp luật:*

Diện tích 326,2m² đất tại khu ML hiện nay vợ chồng ông T đang quản lý sử dụng, gồm có 232m² đất 03 của hộ bà H, 59m² đất 03 của hộ bà Kh và 35,2m² đất công. Mặc dù các chủ đất đều xác nhận đã mua bán chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, không có tranh chấp nhưng toàn bộ thửa đất này chưa được chuyển mục đích sử dụng (vẫn là đất canh tác, cấy lúa) nên việc gia đình ông T xây dựng tường bao và dựng khung lán làm nơi ở trông coi cây cối trên đất mà không được sự cho phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là không đúng với quy định của Luật đất đai. Từ năm 2015 đến tháng 12/2019, gia đình ông T

có nhiều vi phạm như xây tường bao, đổ san tảo phế liệu xây dựng trên đất 03 trong thời gian dài nhưng UBND xã CĐ cũ (nay là xã ĐS) cũng chỉ lập biên bản hiện trạng và nhắc nhở gia đình dừng xây dựng, chuyển phế liệu đi nơi khác mà không lập biên bản vi phạm hành chính và chưa có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Vào khoảng 10 giờ đến 10 giờ 30 phút ngày 07/12/2019, khi gia đình ông T đang tự ý dựng khung lán hơn 20m² bằng ống kẽm 34 và 60 trên thửa đất 03 tại khu ML, thôn BQ thì Chủ tịch xã ĐS và các ban ngành đoàn thể của thôn, xã có mặt tuyên truyền không được dựng khung lán trên đất canh tác, vận động ông T và gia đình tháo dỡ khung lán thì gia đình ông T đã chấp hành. Tại lời khai ngày 13/10/2020 và tại phiên tòa ngày 28/01/2021, ông T bà H cũng thừa nhận: khi Chủ tịch UBND xã ĐS cùng mọi người có mặt thì Chủ tịch xã có nói với ông là sao lại dựng cái lán này, ông trả lời dựng để ở trồng nom cây thì Chủ tịch nói là không được, yêu cầu tháo dỡ luôn, ông xin để gia đình tự tháo dỡ sau vì lúc đó thợ cơ khí đã bỏ đi nên không có người tháo dỡ nhưng Chủ tịch không đồng ý bảo cho mọi người vào tháo dỡ cùng gia đình. Trong quá trình tháo dỡ ông không nhìn thấy ai cầm dụng cụ gì, trước khi mọi người tháo dỡ Chủ tịch xã không đọc văn bản hay Quyết định gì, sau khi tháo dỡ cũng không lập biên bản gì. Gia đình ông đã thu dọn nguyên vật liệu mang về, giá trị vẫn còn nguyên và đã sử dụng tiếp vào việc khác. Những người làm chứng là ông T1, ông V, anh H có mặt đều khai khi Lãnh đạo xã đến vận động, phân tích mục đích sử dụng đất thì gia đình ông T thiện chí dừng việc dựng khung lán và đồng thuận tháo dỡ. Trong lúc gia đình đang tháo dỡ thì một số anh em công an viên vào hỗ trợ tay không hạ khung lán xuống nguyên vẹn, sau đó gia đình tự sắp xếp trở về nhà. Việc Chủ tịch UBND xã ĐS cùng các ban ngành đoàn thể đến vận động gia đình ông T tháo dỡ khung lán là hành động đúng, không trái với các quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã theo Điều 31, Điều 36 Luật tổ chức Chính quyền đại phưong; không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T. Cá nhân Chủ tịch xã không thực hiện theo quyết định hay nhiệm vụ, công vụ nào mà theo quy định của pháp luật Chủ tịch xã phải thực hiện.

Việc ông T cho rằng hành vi chỉ đạo phá dỡ khung lán của Chủ tịch UBND ĐS đã sai về quy trình của Luật xử lý vi phạm hành chính tại khoản 2 Điều 86 nhưng ông T không chỉ ra được hành vi của Chủ tịch xã ĐS không thực hiện hay đang thực hiện theo Quyết định xử lý vi phạm hành chính, Quyết định cưỡng chế nào. Người làm chứng là anh T2, anh S (con trai ông T) khai Chủ tịch

xã hô mọi người cầm theo búa tạ, xà beng, kìm cắt sắt để phá dỡ khung lán, nhưng không đưa ra được bằng chứng để chứng minh cho lời khai là có căn cứ. Về chi tiết này lời khai của anh T2 anh S lại mâu thuẫn với chính lời khai của ông T, bà H không nhìn thấy ai cầm dụng cụ gì. Do vậy, lời khai của 2 anh là chưa đủ cơ sở.

Từ những nhận định trên Tòa cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi chỉ đạo phá dỡ khung lán của Chủ tịch UBND xã ĐS trái pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- *Về xem xét yêu cầu bồi thường thiệt hại:* Do yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐS là trái pháp luật không được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông T là phù hợp pháp luật. Không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

[1]. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện CGi, tỉnh Hải Dương.

[2]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ vào số tiền **tạm** ứng án phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số **AA**/2018/0000340 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CGi, tỉnh Hải Dương.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện CGi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện CGi;
- Chi cục THADS huyện CGi;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

Phạm Thị Mai Hoa